

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2021
Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Soi
2. Bà Lưu Thị Phương Xa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2021 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2021/QĐST-DS ngày 08/12/2021 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị B, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn chị Đặng Thị B trình bày: Chị và anh Lê Văn Đ là tự nguyện kết hôn, tổ chức đám cưới năm 2004, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V

Thủy, tỉnh Hậu Giang. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018, anh Đạt có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 05/2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Lê Thị Kim P, sinh ngày 22/8/2005.

Về tài sản chung là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung là không có nợ ai và cũng không có cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn Đ: Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung là đúng.

Về hôn nhân: Anh và chị được mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Do anh có mối quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh thừa nhận có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là sai, nhưng anh chưa chung sống như vợ chồng với người đó. Chị Đặng Thị B muốn ly hôn là do anh mắc sai lầm có tình cảm với người phụ nữ khác, từ khi bị chị Đặng Thị B phát hiện và bỏ đi thì anh đã nhận thấy được việc làm của mình là không đúng và hoàn toàn sửa đổi. Anh đi tìm chị Đặng Thị B rất nhiều lần nhưng đều không gặp. Anh rất thương vợ nên không muốn ly hôn, anh không bao giờ phạm phải sai lầm lần nữa.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Lê Thị Kim Phụng, sinh ngày 22/8/2005.

Về tài sản chung là có nhưng từ khi vợ bỏ đi anh làm ăn thất bại thua lỗ nên không còn; Về nợ chung là có nhưng anh xác định là trách nhiệm của riêng anh nên không có yêu cầu gì đối với vợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị B đã nộp cho Tòa án Trích lục kết hôn, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu, trích lục khai sinh.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ tiến hành xét xử vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị B được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung giao con chung: Do cháu Lê Thị Kim Phụng đã chết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đối với chị Đặng Thị B có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đặng Thị B và anh Lê Văn Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị B và anh Lê Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để cho chị Đặng Thị B và anh Lê Văn Đ hòa giải với nhau nhưng không mang lại kết quả. Anh chị cũng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện và phải có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị Đặng Thị B và anh Lê Văn Đ đã phát sinh mâu thuẫn và không còn sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị Đặng Thị B được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

[3]. Về con chung: Chị Đặng Thị B và anh Lê Văn Đ có 01 con chung nhưng cháu đã chết do bị bệnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và được kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, 28, 35, 39, 91, 147, 271, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B, cho chị Đặng Thị B được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

- Về con chung: Do cháu Lê Thị Kim P đã chết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn chị Đặng Thị B phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0008481 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, chị Đặng Thị B không phải nộp thêm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Mỹ Trúc